TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị C với anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Nhàn.
2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim C, sinh năm: 1992, nơi đăng ký thường trú: Số 148, ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Số 110, ấp L, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đoàn Thương T, sinh năm: 1986, địa chỉ: Số 148, ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 6 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Đoàn Thương T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp P, xã B. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, từ tháng 6/2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đam mê cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể

tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Đoàn Phạm Q, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về vấn đề cấp dưỡng, trước đây trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bị đơn là anh Đoàn Thương T vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phạm Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Đoàn Thương T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Đoàn Thương T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim C và anh Đoàn Thương T chung sống có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị C và anh T được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị C cho rằng chị và anh T mâu thuẫn do anh T hay cờ bạc không chịu làm việc để chăm lo cho gia đình và anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, chị và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh T. Tòa án đã triệu tập anh T đến để hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T không đến.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C để giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung tên là Đoàn Phạm Q, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Trân còn nhỏ và đang sống cùng với chị C. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của cháu được ổn định nên cần giao cháu Q cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng cho con do chị C không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim C. Chị Phạm Thị Kim C được ly hôn với anh Đoàn Thương T.

Về con chung: Chị Phạm Thị Kim C và anh Đoàn Thương T có một con chung tên Đoàn Phạm Q, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014.

Chị Phạm Thị Kim C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đoàn Phạm Q.

Ghi nhận chị Phạm Thị Kim C không yêu cầu anh Đoàn Thương T cấp dưỡng cho con.

Anh Đoàn Thương T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim C trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018702 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của C cục thi hành án dân sự huyện M. Chị Phạm Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện M;
- C cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân